8 March 2018

His Excellency
Mr. Tran Tuan Anh
Minister of Industry and Trade
Socialist Republic of Viet Nam

Dear Minister,

In connection with the signing on this day in Santiago, Chile of the *Comprehensive and Progressive Agreement for Trans-Pacific Partnership* (the "Agreement"), I have the honour to confirm the following agreement reached between the Government of the Socialist Republic of Viet Nam and the Government of New Zealand ("the Parties") during the course of negotiations on the Agreement.

1. With respect to the Socialist Republic of Viet Nam:

a) No investor of New Zealand shall have recourse to dispute settlement against the Government of the Socialist Republic of Viet Nam under Section B (Investor-State Dispute Settlement) of Chapter 9 (Investment) of the Agreement except in accordance with this side letter.

b) Any dispute between an investor of New Zealand and the Government of the Socialist Republic of Viet Nam that would otherwise be subject to Section B (Investor-State Dispute Settlement) of Chapter 9 (Investment) of the Agreement should be resolved amicably through consultation and negotiations between the investor and the Government of the Socialist Republic of Viet Nam. This may include the use of non-binding third party

procedures, such as good offices, conciliation or mediation. A request for consultations and negotiations shall be made in writing and set out a brief description of facts regarding the measure or measures at issue.

c) If the dispute cannot be resolved as provided for in paragraph 1(b) within six months from the date of receipt of the written request for consultations, it may be submitted to arbitration in accordance with Section B (Investor-State Dispute Settlement) of Chapter 9 (Investment) of the Agreement provided that the Government of the Socialist Republic of Viet Nam specifically consents to the application of this Chapter to the dispute in accordance with this side letter.

d) Where the Government of the Socialist Republic of Viet Nam has provided consent under paragraph 1(c), a request for consultations pursuant to paragraph 1(b) shall be deemed to be a written request for consultations under paragraph 2 of Article 9.18 (Consultation and Negotiation) of the Agreement.

2. With respect to New Zealand:

a) No investor of the Socialist Republic of Viet Nam shall have recourse to dispute settlement against the Government of New Zealand under Section B (Investor-State Dispute Settlement) of Chapter 9 (Investment) of the Agreement except in accordance with this side letter.

b) Any dispute between an investor of the Socialist Republic of Viet Nam and the Government of New Zealand that would otherwise be subject to Section B (Investor State Dispute Settlement) of Chapter

9 (Investment) of the Agreement should be resolved amicably through consultation and negotiations between the investor and the Government of New Zealand. This may include the use of non-binding third party procedures, such as good offices, conciliation or mediation. A request for consultations and negotiations shall be made in writing and set out a brief description of facts regarding the measure or measures at issue.

c) If the dispute cannot be resolved as provided for in paragraph 2(b) within six months from the date of receipt of the written request for consultations, it may be submitted to arbitration in accordance with Section B (Investor-State Dispute Settlement) of Chapter 9 (Investment) of the Agreement provided that the Government of New Zealand specifically consents to the application of this Chapter to the dispute in accordance with this side letter.

d) Where the Government of New Zealand has provided consent under paragraph 2(c), a request for consultations pursuant to paragraph 2(b) shall be deemed to be a written request for consultations under paragraph 2 of Article 9.18 (Consultation and Negotiation) of the Agreement.

The Government of New Zealand and the Government of the Socialist Republic of Viet Nam understand that nothing in this side letter shall derogate from the rights and obligations of the Parties under any existing international agreements to which the Parties are party.

I have the honour to propose that this letter and your letter of confirmation in reply shall constitute an agreement between the Government of New Zealand and the Government of the Socialist Republic of Viet Nam

which shall enter into force on the date of entry into force of the Agreement for both New Zealand and the Socialist Republic of Viet Nam.

Yours sincerely,



Hon David Parker
Minister for Trade and Export Growth
New Zealand

Ngày 08 tháng 3 năm 2018

Trần Tuấn Anh
Bộ trưởng Bộ Công thương
Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Thưa Ngài Bộ trưởng,

Liên quan đến việc ký *Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương* ("Hiệp định") ngày hôm nay, tôi rất hân hạnh xác nhận thỏa thuận sau đã được thống nhất giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Niu Di-lân (gọi tắt là "các Bên") trong quá trình đàm phán của Hiệp định:

1. Đối với nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

a) Không nhà đầu tư nào của Niu Di-lân sẽ khởi kiện Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam theo Mục B (Giải quyết tranh chấp giữa nhà đầu tư và nhà nước) thuộc Chương 9 (Đầu tư) của Hiệp định trừ trường hợp quy định tại bức thư này.

b) Các tranh chấp giữa nhà đầu tư Niu Di-lân và Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam chịu sự điều chỉnh Mục B (Giải quyết tranh chấp giữa nhà nước và nhà đầu tư) thuộc Chương 9 (Đầu tư) của Hiệp định thay vào đó sẽ được giải quyết một cách thiện trí thông qua tham vấn và thương lượng giữa nhà đầu tư và Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Việc này có thể bao gồm việc sử dụng các quy trình có bên thứ ba không mang tính ràng buộc pháp lý, như trung gian, hòa giải. Một yêu cầu cho việc tham vấn hoặc đàm phán sẽ được gửi dưới dạng văn bản và có mô tả ngắn gọn về các tình tiết có liên quan đến một hoặc các biện pháp đang được xem xét.

c) Nếu tranh trấp không thể được giải quyết theo đoạn 1(b) trong vòng 6 tháng kể từ ngày nhận được yêu cầu tham vấn bằng văn bản, tranh chấp này có thể được giải quyết bằng phương thức trọng tài theo Mục B (Giải quyết tranh chấp giữa nhà đầu tư và nhà nước) thuộc Chương 9 (Đầu tư) của Hiệp định nếu Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam chấp thuận việc áp dụng Chương này đối với tranh chấp theo bức thư này.

d) Trường hợp Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã chấp thuận theo đoạn 1(c) nói trên, một yêu cầu tham vấn theo đoạn 1(b) sẽ được coi như yêu cầu tham vấn bằng văn bản được quy định tại khoản 2 Điều 9.18 (Tham vấn và Thương lượng) của Hiệp định.

2. Đối với Niu Di-lân

a) Không nhà đầu tư nào của Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam sẽ khởi kiện Chính phủ Niu Di-lân theo Mục B (Giải quyết tranh chấp giữa nhà đầu tư và nhà nước) thuộc Chương 9 (Đầu tư) của Hiệp định trừ trường hợp quy định tại bức thư này.

b) Các tranh chấp giữa nhà đầu tư của Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Niu Di-lân chịu sự điều chỉnh Mục B (Giải quyết tranh chấp giữa nhà nước và nhà đầu tư) thuộc Chương 9 (Đầu tư) của Hiệp định thay vào đó sẽ được giải quyết một cách thiện trí thông qua tham vấn và thương lượng giữa nhà đầu tư và Chính phủ Niu Di-lân. Việc này có thể bao gồm việc sử dụng các quy trình có bên thứ ba không mang tính ràng buộc pháp lý, như trung gian, hòa giải. Một yêu cầu cho việc tham vấn hoặc đàm phán sẽ được gửi dưới dạng văn bản và có mô tả ngắn gọn về các tình tiết có liên quan đến một hoặc các biện pháp đang được xem xét.

c) Nếu tranh trấp không thể được giải quyết theo đoạn 1(b) trong vòng 6 tháng kể từ ngày nhận được yêu cầu tham vấn bằng văn bản, tranh chấp này có thể được giải quyết bằng phương thức trọng tài theo Mục B (Giải quyết tranh chấp giữa nhà đầu tư và nhà nước) thuộc Chương 9 (Đầu tư) của Hiệp định nếu Chính phủ Niu Di-lân chấp thuận việc áp dụng Chương này đối với tranh chấp theo bức thư này.

d) Trường hợp Chính phủ Niu Di-lân đã chấp thuận theo đoạn 1(c) nói trên, một yêu cầu tham vấn theo đoạn 1(b) sẽ được coi như yêu cầu tham vấn bằng văn bản được quy định tại khoản 2 Điều 9.18 (Tham vấn và Thương lượng) của Hiệp định.

Chính phủ Niu Di-lân và Chính phủ Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hiểu rằng không quy định nào trong bức thư này sẽ làm giảm đi các quyền và nghĩa vụ của các Bên theo các điều ước quốc tế mà hai Bên là thành viên.

Tôi rất hân hạnh đề xuất rằng bức thư này và thư trả lời xác nhận của Ngài sẽ tạo thành một thỏa thuận giữa Chính phủ Niu Di-lân và Chính phủ Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, có hiệu lực vào ngày có hiệu lực của Hiệp định đối với cả Niu Di-lân và Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Trân trọng,

David Parker
Bộ trưởng Thương mại và Tăng trưởng kinh tế
Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Ngày 08 tháng 3 năm 2018

Ngài David Parker
Bộ trưởng Bộ Thương mại và Tăng trưởng kinh tế
Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Thưa Ngài Bộ trưởng,

Tôi rất hân hạnh nhận được thư của ông đề ngày hôm nay có nội dung như sau:

"Liên quan đến việc ký *Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương* ("Hiệp định") ngày hôm nay, tôi rất hân hạnh xác nhận thỏa thuận sau đã được thống nhất giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Niu Di-lân (gọi tắt là "các Bên") trong quá trình đàm phán của Hiệp định:

1. Đối với nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

a) Không nhà đầu tư nào của Niu Di-lân sẽ khởi kiện Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam theo Mục B (Giải quyết tranh chấp giữa nhà đầu tư và nhà nước) thuộc Chương 9 (Đầu tư) của Hiệp định trừ trường hợp quy định tại bức thư này.

b) Các tranh chấp giữa nhà đầu tư Niu Di-lân và Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam chịu sự điều chỉnh Mục B (Giải quyết tranh chấp giữa nhà nước và nhà đầu tư) thuộc Chương 9 (Đầu tư) của Hiệp định thay vào đó sẽ được giải quyết một cách thiện trí thông qua tham vấn và thương lượng giữa nhà đầu tư và Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Việc này có thể bao gồm việc sử dụng các quy trình có bên thứ ba không mang tính ràng buộc pháp lý, như trung gian, hòa giải. Một yêu cầu cho việc tham vấn hoặc đàm phán sẽ được gửi dưới dạng văn bản và có mô tả ngắn gọn về các tình tiết có liên quan đến một hoặc các biện pháp đang được xem xét.

c) Nếu tranh trấp không thể được giải quyết theo đoạn 1(b) trong vòng 6 tháng kể từ ngày nhận được yêu cầu tham vấn bằng văn bản, tranh chấp này có thể được giải quyết bằng phương thức trọng tài theo Mục B (Giải quyết tranh chấp giữa nhà đầu tư và nhà nước) thuộc Chương 9 (Đầu tư)

của Hiệp định nếu Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam chấp thuận việc áp dụng Chương này đối với tranh chấp theo bức thư này.

d) Trường hợp Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã chấp thuận theo đoạn 1(c) nói trên, một yêu cầu tham vấn theo đoạn 1(b) sẽ được coi như yêu cầu tham vấn bằng văn bản được quy định tại khoản 2 Điều 9.18 (Tham vấn và Thương lượng) của Hiệp định.

2. Đối với Niu Di-lân

a) Không nhà đầu tư nào của Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam sẽ khởi kiện Chính phủ Niu Di-lân theo Mục B (Giải quyết tranh chấp giữa nhà đầu tư và nhà nước) thuộc Chương 9 (Đầu tư) của Hiệp định trừ trường hợp quy định tại bức thư này.

b) Các tranh chấp giữa nhà đầu tư của Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Niu Di-lân chịu sự điều chỉnh Mục B (Giải quyết tranh chấp giữa nhà nước và nhà đầu tư) thuộc Chương 9 (Đầu tư) của Hiệp định thay vào đó sẽ được giải quyết một cách thiện trí thông qua tham vấn và thương lượng giữa nhà đầu tư và Chính phủ Niu Di-lân. Việc này có thể bao gồm việc sử dụng các quy trình có bên thứ ba không mang tính ràng buộc pháp lý, như trung gian, hòa giải. Một yêu cầu cho việc tham vấn hoặc đàm phán sẽ được gửi dưới dạng văn bản và có mô tả ngắn gọn về các tình tiết có liên quan đến một hoặc các biện pháp đang được xem xét.

c) Nếu tranh trấp không thể được giải quyết theo đoạn 1(b) trong vòng 6 tháng kể từ ngày nhận được yêu cầu tham vấn bằng văn bản, tranh chấp này có thể được giải quyết bằng phương thức trọng tài theo Mục B (Giải quyết tranh chấp giữa nhà đầu tư và nhà nước) thuộc Chương 9 (Đầu tư) của Hiệp định nếu Chính phủ Niu Di-lân chấp thuận việc áp dụng Chương này đối với tranh chấp theo bức thư này.

d) Trường hợp Chính phủ Niu Di-lân đã chấp thuận theo đoạn 1(c) nói trên, một yêu cầu tham vấn theo đoạn 1(b) sẽ được coi như yêu cầu tham vấn bằng văn bản được quy định tại khoản 2 Điều 9.18 (Tham vấn và Thương lượng) của Hiệp định.

Chính phủ Niu Di-lân và Chính phủ Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hiểu rằng không quy định nào trong bức thư này sẽ làm giảm đi các quyền và nghĩa vụ của các Bên theo các điều ước quốc tế mà hai Bên là thành viên."

Tôi rất hân hạnh được xác nhận rằng nội dung nêu trên phản ánh cách hiểu đã đạt thống nhất được giữa Chính phủ Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và

Chính phủ Niu Di-lân trong quá trình đàm phán *Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương*, và bức thư của ngài và thư trả lời này tạo thành thỏa thuận giữa Chính phủ Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Niu Di-lân.

Trân trọng,

Trần Tuấn Anh
Bộ trưởng Bộ Công thương
Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam